

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THÁI THỤY
TỈNH THÁI BÌNH**

Bản án số: 14/2021/HNGĐ-ST

Ngày 08/02/2021

Về việc: Hôn nhân gia đình.

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁI THỤY, TỈNH THÁI BÌNH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Vương.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Phan Văn Tiến và bà Vũ Thị Thúy.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Phạm Thị Diệu Thúy

Đại diện VKSND huyện Thái Thụy tham gia phiên Tòa: Ông Phạm Đình Tuấn Anh – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm, công khai vụ án dân sự thụ lý số: 272/2020/TLST - HNGĐ ngày 14 tháng 10 năm 2020 về việc xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2021/QĐST- HNGĐ ngày 13/01/2021 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị Cao Thị T, sinh năm 19xx

* Bị đơn: Anh Nguyễn Đức H, sinh năm 19xx

Cùng nơi cư trú: Thôn K, xã D, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình.

(Chị T có mặt, anh H vắng mặt lần thứ hai không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện, bản tự khai các lời khai tiếp theo và tại phiên Tòa nguyên đơn chị Cao Thị T trình bày:

Chị và anh Nguyễn Đức H tự nguyện tìm hiểu và kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND D1 (nay là xã D), huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình vào ngày 12/01/2000. Trong quá trình chung sống vợ chồng chị nảy sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng do tính tình không hợp và do chồng chị có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác. Vợ chồng chị đã sống ly thân tháng 7 năm 2020 đến nay. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn anh Nguyễn Đức H.

Về con chung: Chị và anh H có hai con chung là Nguyễn Thị Phương A, sinh ngày 29/5/2000 và Nguyễn Đức H1, sinh ngày 05/11/2008. Hiện nay con Phương A đã thành niên. Chị đồng ý giao con Nguyễn Đức H1 cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng. Chị không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị và anh H không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Anh H vắng mặt tại phiên Tòa. Tại biên bản hòa giải, bản tự khai anh H trình bày:

Anh xác nhận lời trình bày của chị T về quá trình tìm hiểu kết hôn và có hai con chung là đúng. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chung sống hạnh phúc được thời gian gần 20 năm thì nảy sinh mâu thuẫn, đặc biệt từ năm 2020 tới nay, do chị T có biểu hiện quan hệ bất chính với người đàn ông khác và tự ý bỏ về nhà bố mẹ đẻ từ

tháng 8 năm 2020 đến nay. Nay chị T xin ly hôn anh, quan điểm của anh là muốn vợ chồng về đoàn tụ để cùng nhau nuôi dạy con cái.

Về con chung: Vợ chồng anh có hai con chung như chị T đã trình bày. Nếu phải ly hôn anh có nguyện vọng nuôi cháu Hoàng và không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy phát biểu quan điểm:

Những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng các trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn trong quá trình tham gia tố tụng đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật. Bị đơn được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt 2 lần là từ bỏ quyền của mình.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các quy định của pháp luật xử cho chị T ly hôn anh H. Về con chung: Chấp nhận nguyện vọng của các đương sự giao con chung chưa thành niên là cháu Nguyễn Đức H1 cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng. Về tài sản chung, nợ chung và cấp dưỡng nuôi con chung các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết. Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghe phần trình bày của đương sự và xem xét các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Các đương sự đều cư trú, làm việc tại huyện Thái Thụy nên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy. Anh H đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt anh H.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Cao Thị T và anh Nguyễn Đức H đều xác nhận xây dựng hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã D1 (Nay là xã D), huyện Thái Thụy vào ngày 12 tháng 01 năm 2000 là hôn nhân hợp pháp. Xét nguyên nhân mâu thuẫn thì thấy anh H và chị T đều nghi ngờ người còn lại không chung thủy dẫn đến vợ chồng nảy sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng. Anh chị đã sống ly thân từ tháng 7, 8 năm 2020 đến nay. Chị T xin ly hôn, anh H không đồng ý ly hôn. Tuy nhiên, anh H không đưa ra được giải pháp gì nhằm hàn gắn tình cảm vợ chồng, không thuyết phục được chị T chung sống cùng anh. Khi Tòa án triệu tập anh H đến Tòa án để hòa giải lần hai và xét xử vụ án anh H đều không đến, thể hiện anh không còn thiện chí và thiết tha gì việc đoàn tụ với chị T. Tại phiên Tòa, chị T giữ nguyên quan điểm xin ly hôn. Chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Do vậy căn cứ vào các Điều 51; 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị T được ly hôn anh H.

[3]. Về quan hệ con chung: Anh H và chị T đều xác định vợ chồng anh chị có hai con chung là Nguyễn Thị Phương A, sinh ngày 29/5/2000 (đã thành niên) và Nguyễn Đức H1, sinh ngày 05/11/2008. Sau khi ly hôn anh H và chị T đều có nguyện vọng giao cho anh H trực tiếp nuôi cháu Nguyễn Đức H1 và không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy nguyện vọng của các đương sự là phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

[4]. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết. Khi nào các đương sự có yêu cầu sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

[5]. Về án phí và quyền kháng cáo đối với Bản án: Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm. Các bên có quyền kháng cáo Bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 35 Điều 39, Điều 147, Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Cao Thị T ly hôn anh Nguyễn Đức H.

2. Về con chung: Anh H và chị T có hai con chung Nguyễn Thị Phương A, sinh ngày 29/5/2000 (đã thành niên) và Nguyễn Đức H1, sinh ngày 05/11/2008. Giao cho anh Nguyễn Đức H trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Đức H1. Việc cấp dưỡng nuôi con chung các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết. Người không trực tiếp nuôi dưỡng con chung được quyền chăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở. Vì quyền lợi mọi mặt của con chung chị T, anh H có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung khi cần thiết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Chị Cao Thị T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) chị T đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số: 0002403 ngày 14/10/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình thành tiền án phí.

5. Về quyền kháng cáo Bản án: Chị T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh H có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- Các đương sự.
- VKSND huyện Thái Thụy;
- Chi cục Thi hành án huyện Thái Thụy;
- UBND xã D.
- , Thái Thụy.
- Lưu VP, Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Văn Vương